TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐIỆN BIÊN** TỈNH ĐIỆN BIÊN	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 113/2020/QĐST-HNGĐ	*Điện Biên, ngày 11 tháng 08 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 101/2020/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2020 giữa:

Nguyên đơn: chị Lò Thị B, sinh năm: 1986.

Nơi ĐKHKTT: Đội A, bản N, xã Noong Hẹt, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

Chỗ ở hiện nay: Đội A, bản L, xã Sam Mứn, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

Bị đơn: anh Lường Văn Th, sinh năm: 1984.

Nơi cư trú: Đội B, bản N, xã Noong Hẹt, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81,82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 03 tháng 8 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 03 tháng 8 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Lò Thị B và anh Lường Văn Th.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị B và anh Lường Văn Th thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Cháu Lường Văn Tr, sinh ngày 19/6/2004 đã đi làm và có thu nhập tự nuôi được bản thân, nên chị B và anh Th không đề nghị Tòa án giải quyết. Anh Th được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Lường Văn Sơn, sinh ngày 18/02/2007 cho đến khi cháu Sơn thành niên và có khả năng lao động. Việc cấp dưỡng nuôi con chị B và anh Th không đề nghị Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

2.3. Về tài sản: Tài sản riêng, tài sản chung, nợ phải trả: Không yêu cầu Tòa án giải quyết; Nợ lấy về, diện tích ruộng nương: Không có.

2.4. Về án phí: Căn cứ Khoản 4 Điều 147/BLTTDS và Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Chị B và anh Th mỗi người phải chịu 75.000 đồng án phí DSST, nhưng chị B tự nguyện chịu toàn bộ án phí DSST là 150.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí DSST đã nộp theo biên lai số AA/2016/0003384 ngày 23/04/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên. Chị B được hoàn trả lại số tiền chênh lệch là 150.000 đồng. Chị B đã nộp đủ án phí DSST.

3. Quyết định này có hiệu lực ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Điện Biên;*
- *Chi cục THADS huyện Điện Biên;*
- *VKSND H.Điện Biên;*
- *UBND xã Noong Hẹt, H.ĐB;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

THẨM PHÁN
(đã ký)

Đỗ Thu Hương